

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/20

V/v “không công nhận vợ chồng”

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thạch

*Các Hội thẩm N dân:*

- Ông Phạm Hồng Sơn

- Bà Thái Thị Dung

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án N dân huyện T

*Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện T:* bà Phạm Thị Bích Dung, kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N - Gia đình thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2022, về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX ngày 08/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐ-HPT ngày 28/7/2022 của Tòa án huyện T, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Biều Văn O** - sinh năm 1984

Địa chỉ: xóm 17, thôn Hà Thủy 1, xã Chí Công, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: bà **Lê Thị Kim P** - sinh năm 1983

Địa chỉ: xóm 20, thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

( Có mặt nguyên, vắng mặt bị đơn )

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 10 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Biều Văn O trình bày:*

- *Về hôn N:* ông và bà Lê Thị Kim P xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 200 trên cơ sở tự nguyện, do không am hiểu pháp luật, nên mãi đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng không đạt được hạnh phúc, nguyên N là do bà P không có trách nhiệm với chồng con, không lo chăm lo làm ăn, mà có tính cờ bạc, sinh ra nợ nần, ông đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng bà P vẫn không thay đổi, đến năm 2004 vợ chồng đã chia tay nhau.

Từ năm 2005 cho đến nay, bà P không còn ở địa phương nữa, mà bà đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống và có chồng khác tại thành phố Hồ Chí Minh sau đó cũng đã bỏ, ông có nghe nói hiện nay bà P đã lập gia đình khác làm ăn sinh sống tại Đà Lạt.

Từ tháng 6/2019 ông đã có vợ khác và đã có con, để hôn N sau được hợp pháp, ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận giữa ông với bà Lê Thị Kim P là vợ chồng.

- Về con chung: có 01 con chung tên Biều Thị Kim Sơn - sinh năm 2001 đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn N và gia đình năm 2000; Điểm c khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

- Về hôn N: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Biều Văn O và bà Lê Thị Kim P.

- Về con chung: có 01 con chung, đã thành niên

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

- Về án phí: ông O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Biều Văn O vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết, chấm dứt về hôn N giữa ông đối với bà Lê Thị Kim P. Xét yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện về Hôn N và gia đình, về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T - tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã triệu tập bà P nhiều lần, nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do. Theo lời khai của ông O, thì từ năm 2005 cho đến nay, bà P không còn ở địa phương nữa, bà đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống và hiện nay bà P đã lập gia đình khác làm ăn sinh sống tại Đà Lạt.

Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2022, trưởng thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công, cung cấp thông tin: Ban cán sự thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công có nhận được giấy triệu tập của Tòa án N dân huyện T, để tổng đạt cho bà Lê Thị Kim P, do bà P vắng mặt tại địa phương, nên chúng tôi không tổng đạt được. Bà P không còn cư trú tại thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công nữa, thời gian đi không rõ cụ thể năm nào và không báo tạm vắng tại Ban cán sự thôn.

Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn Lê Thị Kim P, tại nơi cư trú cuối cùng của bà P, theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay bà P vẫn vắng mặt không lý do, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn N: theo lời khai của ông Biều Văn O, ông và bà Lê Thị Kim P xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, do không am hiểu pháp luật, nên mãi đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của họ không đạt được hạnh phúc, đến năm 2004 họ đã chia tay nhau. Hiện nay ông O đã có vợ khác và đã có con, để hôn N sau được hợp pháp, ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận giữa ông với bà Lê Thị Kim P là vợ chồng.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Ban tư pháp xã Chí Công: qua kiểm tra sổ lưu hộ tịch, từ năm 1999 đến nay không tìm thấy ông Biều Văn O và bà Lê Thị Kim P đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công.

Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn N và gia đình năm 2000 quy định: Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội, quy định nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng và nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn N và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định, lời khai của ông Biều Văn O là đúng và có cơ sở chấp nhận, nên áp dụng vào điểm c khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Biều Văn O với bà Lê Thị Kim P.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung, tên Biều Thị Kim Sơn - sinh năm 2001 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết quyền trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: theo ông O khai là không có.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

**QUYẾT ĐỊNH :**

**1. Căn cứ vào:** khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn N và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

**2. Tuyên xử :**

- Về hôn N: *không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Biều Văn O và bà Lê Thị Kim P.*

- Về con chung: đã thành niên

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

**3. Về án phí:** ông O phải nộp **300.000đ** án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, ông đã nộp tại biên lai thu số 0003397 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**CÁC HỘI THẨM N DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Sơn**

**Thái Thị Dung**

**Nguyễn Văn Thạch**